

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/DS-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp thừa kế và
y/c công nhận HĐ chuyển nhượng QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Thanh Dũng**

Ông **Lê Thanh Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Út Mười** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đặng Hồng Thắm**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chị **Nguyễn Đặng Tuyết B**, sinh ngày 11/8/2004.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người giám hộ cho chị Băng: Ông Nguyễn Đức L và bà Đặng Hồng Thắm.

3. Chị **Nguyễn Đào H1**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà **Võ Thị K1**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bà **Nguyễn K K**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà **Trần Thị Út N**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp Bình Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông **Trần Văn L1**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp Thanh Hải, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ông **Trần Văn Ng**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

9. Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

10. Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà **Trần Thị C**, bà Còn đã chết có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm:

- Chị **Cao Ngọc H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Quyết Chiến, xã An Trạch A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị **Cao Ngọc H2**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Quyết Chiến, xã An Trạch A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị **Cao Ngọc Tr**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông **Cao Văn H**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông H, ông L có mặt; ông Trần Văn L1 vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 13/8/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Cha mẹ ruột của ông là cụ Nguyễn Đức K, sinh năm 1934 (chết năm 2005) và cụ Trần Thị N, sinh năm 1939 (chết năm 2007) có tất cả 03 người con gồm Nguyễn K Kê, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Đức L.

Cụ K, cụ N chết không để lại di chúc, di sản là phần đất nuôi trồng thủy sản tổng diện tích $22.879,4m^2$ thuộc một phần thửa số 678, 679 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng đất cho cụ Trần Thị N vào năm 1995; 01 căn nhà, 02 cống xả nước tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu ngoài ra không còn di sản nào khác. Trong phần đất nêu trên ông cất nhà ở diện tích $1.254,7m^2$, ông L sử dụng căn nhà của cha mẹ để lại trên diện tích $1.928,3m^2$ và phần đất nuôi trồng thủy sản $19.696,4m^2$.

Ông có yêu cầu ông L chia thêm cho ông đất nuôi trồng thủy sản ông L đang sử dụng diện tích khoảng 05 công nhưng ông L không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Năm 1998, ông nhờ cụ N nhận chuyển nhượng phần đất tại thửa 689 tờ bản đồ số 18 qua đo đạc thực tế là $8.196m^2$ ($6.572,5m^2 + 1.623,5m^2$) từ ông Trần Văn Nghĩa với giá 2.8 cây vàng 24k, ông giao vàng cho cụ N chứ không gặp trực tiếp ông Nghĩa thỏa thuận sang nhượng. Việc nhờ cụ N nhận chuyển nhượng đất từ ông Nghĩa không làm giấy tờ, có bà Nguyễn K Kê, bà Trần Thị Bảy biết. Sau khi sang nhượng ông trực tiếp canh tác, sử dụng đất từ năm 1998 cho đến nay.

Trong quá trình sử dụng đất, năm 2000 ông chuyển đổi đất với bà Trần Thị Bảy, ông giao phần đất diện tích $1.623,5m^2$ cho bà Bảy, đổi lại bà Bảy giao lại cho ông diện tích $1.100m^2$. Việc chuyển đổi đất với bà Bảy chỉ bằng lời nói, sau khi đổi đất ông sử dụng diện tích $7.672,5m^2$ ($6.572,5m^2 + 1.100m^2$) cho đến nay.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất nuôi trồng thủy sản ông L đang sử dụng diện tích $19.696,4m^2$ theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất nền nhà ông đang sử dụng $1254,7m^2$, ông L đang sử dụng $1.928,3m^2$, ông yêu cầu được hưởng theo diện tích thực tế hai bên đang sử dụng.

Đối với phần đất nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Nghĩa $8.196m^2$ ($6.572,5m^2 + 1.623,5m^2$), trong đó đã chuyển đổi $1.623,5m^2$ quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Bảy để nhận lại diện tích $1.100m^2$, yêu cầu được công nhận quyền sử dụng vì đây là phần đất của riêng ông. Trường hợp Tòa án không chấp nhận thì ông đồng ý cộng vào phần di sản để chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Về hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Bảy do hai bên đã sử dụng đất ổn định, ông không yêu cầu xem xét.

Các tài sản: 01 căn nhà, 02 cống xả nước ông không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất $1.060,1m^2$ thuộc một phần thửa 689 tờ bản đồ số 18 do cụ N đứng tên, trước đây cụ N, cụ K đã chuyển đổi với bà Kê, hiện nay không thuộc di sản thừa kế nên không yêu cầu xem xét.

Cụ K, cụ N có nợ nhưng ông L đã trả xong. Chi phí đám tang của hai cụ do ông L chi trả.

Ông Nguyễn Đức L trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Ông thống nhất theo lời trình bày của ông H về quan hệ huyết thống.

Cha mẹ chết không để lại di chúc, di sản là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 678, 679, 689, tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 30.551,9m²; 01 căn nhà, 02 cống xả nước tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu ngoài ra không còn di sản nào khác. Hiện nay ông đang quản lý, sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 19.696,4m², phần đất nền nhà diện tích 1.928,3m²; ông H quản lý, sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 7.672,5m² và đất nền nhà 1.254,7m².

Trong diện tích trên, phần đất tại thửa số 689, tờ bản đồ số 18 là đất của ông ngoại là cô Trần Văn Thử cho con là ông Trần Văn Nghĩa, sau N ông Nghĩa chuyển nhượng lại cho cụ N. Ông H trình bày, thửa đất số 689, tờ bản đồ số 18 là đất của ông nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Nghĩa nhưng nhờ cụ N nhận chuyển nhượng dùm là không đúng.

Sau khi sang nhượng đất từ ông Nghĩa được 1-2 năm thì cha mẹ cho ông H canh tác, sử dụng cho đến nay. Hiện nay phần đất tại thửa 689 ông H đang quản lý, sử dụng, chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình sử dụng đất ông H có đổi đất với bà Trần Thị Bảy, việc thỏa thuận chuyển đổi cụ thể như thế nào ông không biết nhưng ông thống nhất, không khiếu nại việc đổi đất.

Trước đây anh chị em trong gia đình đã thỏa thuận phân chia di sản của cha mẹ như thực tế đang sử dụng hiện nay. Tuy nhiên, sau đó ông H lại thay đổi ý kiến, yêu cầu được hưởng thêm diện tích 5000m² trong phần đất nuôi trồng thủy sản ông đang sử dụng nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất nuôi trồng thủy sản ông đang sử dụng diện tích 19.696,4m² theo quy định của pháp luật. Ngoài ra yêu cầu nhận hợp đồng chuyển nhượng từ ông Trần Văn Nghĩa diện tích 6.572,5m² + 1.100m² ông không đồng ý. Diện tích hai nền nhà ông và ông H đang sử dụng ổn định nên yêu cầu được hưởng theo diện tích thực tế đang sử dụng, phần diện tích còn lại yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật.

Các tài sản gắn liền với đất của cha mẹ để lại gồm 01 căn nhà, 02 cống xả nước ông không yêu cầu xem xét giải quyết. Diện tích đất 1.060,1m² thuộc một phần thửa 689 tờ bản đồ số 18 do cụ N đứng tên, trước đây cụ N, cụ K đã chuyển đổi với bà Kê, hiện nay không thuộc di sản thừa kế nên không xem xét.

Ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ lúc về già, cụ K, cụ N có nợ nhưng ông đã trả, chi phí đám tang của hai cụ do ông chi trả, ông không yêu cầu xem xét lại.

Bà Nguyễn K Kê trình bày trong quá trình tố tụng:

Bà thống nhất với ông H, ông L về quan hệ huyết thống. Phần đất nền nhà của ông H, ông L bà thống nhất để cho hai ông tiếp tục quản lý, sử dụng. Diện tích

đất còn lại bà không yêu cầu xem xét quyền lợi, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất ông H đang quản lý sử dụng có diện tích 6.572,5m² nguồn gốc phần đất theo bà biết là của ông Trần Văn Nghĩa, ông H nhờ cụ N sang nhượng dùm, việc nhờ cụ N nhận chuyển nhượng đất chỉ bằng lời nói, bà không chứng kiến trực tiếp việc thỏa thuận sang nhượng.

Ông Trần Văn Nghĩa trình bày trong quá trình tố tụng:

Ông là con ruột của cố Trần Văn Thử, là em ruột của bà Trần Thị N. Nguồn gốc phần đất ông H đang quản lý, sử dụng là của cố Thử. Khi cố Thử chết, đất giao lại cho ông quản lý, canh tác. Sau đó, ông chuyển nhượng lại cho chị N toàn bộ phần đất tại thửa 689, tờ bản đồ số 18 qua đo đạc thực tế diện tích 8.196m², giá chuyển nhượng là 06 chỉ vàng 24k/01 công 1.296m². Chị N là người trực tiếp giao vàng cho ông, khi chuyển nhượng không làm giấy tờ do là chị em với nhau, ngoài ra do đất chị N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chuyển nhượng cho chị N không phải làm thủ tục sang tên.

Theo ông H trình bày, diện tích đất trên là của ông H nhờ bà N là mẹ ruột nhận sang nhượng từ ông là không đúng, phần đất N ông trực tiếp thỏa thuận sang nhượng với chị N.

Phần đất ông chuyển nhượng cho bà N ông không còn quyền lợi, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Bảy trình bày trong quá trình tố tụng:

Phần đất 8.196m² trước đây bà nghe nói ông H nhờ mẹ ruột là bà Trần Thị N nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Nghĩa, việc thỏa thuận sang nhượng bà không trực tiếp chứng kiến, bà cũng không còn quyền lợi gì liên quan trong phần đất ông Nghĩa chuyển nhượng.

Năm nào bà không nhớ, bà và ông H có thỏa thuận chuyển đổi đất, bà giao cho ông H phần đất qua đo đạc thực tế là 1.100m² thuộc một phần thửa số 690 tờ bản đồ số 18 do bà đứng tên; ông H giao cho bà phần đất 1.623,5m² thuộc thửa 689, tờ bản đồ số 18 do bà Trần Thị N đứng tên. Hiện nay ông H và ông L yêu cầu chia thừa kế trong đó có liên quan đến phần đất của bà, bà đồng ý để chia thừa kế, về hợp đồng chuyển đổi đất bà không yêu cầu xem xét.

Bà Đặng Hồng Thắm, chị Nguyễn Đặng Tuyết Băng, bà Võ Thị Kiển, chị Nguyễn Đào Hiên trình bày trong quá trình tố tụng:

Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Út Nửa, Trần Thị Mạnh, ông Cao Văn Hội, chị Cao Ngọc Hân, Cao Ngọc Hằng, Cao Ngọc Trâm trình bày trong quá trình tố tụng:

Phần đất ông Trần Văn Nghĩa chuyển nhượng cho bà Trần Thị N hay ông Nguyễn Thanh H các đương sự không biết, không còn quyền lợi, yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 BLDS năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H đối với ông Nguyễn Đức L về chia thừa kế quyền sử dụng đất.

1.1/. Chia cho ông Nguyễn Thanh H tổng diện tích **10.263,3m²** tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu các phần đất cụ thể như sau:

- *Phần đất diện tích **6.572,5m²** thuộc một phần thửa số 689 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N có vị trí, kích thước như sau:*

+ Hướng đông: giáp đất Võ Trường Khởi cạnh dài 6.63m, giáp đất ông Nguyễn Thanh H đối với bà Trần Thị Bảy cạnh dài 40m;

+ Hướng tây: giáp đất Nguyễn Quốc Văn, cạnh dài 35.88m;

+ Hướng nam: giáp đường thoát nước chung cạnh dài 176.25m;

+ Hướng bắc: giáp đất Nguyễn Minh Mười cạnh dài 137.1m, giáp đất ông Nguyễn Thanh H chuyển đổi với bà Trần Thị Bảy cạnh dài 31.72m.

- *Phần đất diện tích **1.100m²** thuộc một phần thửa số 690 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho bà Trần Thị Bảy có vị trí, kích thước như sau:*

+ Hướng đông: giáp đất Võ Trường Khởi cạnh dài 40.92m;

+ Hướng tây: giáp đất ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng, cạnh dài 40m;

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng, cạnh dài 31.72m;

+ Hướng bắc: giáp đất Nguyễn Minh Mười cạnh dài 23.3m.

Các phần đất nêu trên ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất được chia nêu trên.

- *Phần đất diện tích **2.590,8m²** thuộc một phần thửa số 678 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N có vị trí, kích thước như sau:*

+ Hướng đông: giáp đất ông Lý Chí Tâm, cạnh dài 11.86m; giáp Đặng Văn Đường, cạnh dài 5.9m.

+ Hướng tây: giáp đất ông Nguyễn Đức L đang sử dụng, cạnh dài 17m; giáp đường thoát nước chung cạnh dài 3.43m.

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Đức L đang sử dụng, cạnh dài 150.2m;

+ Hướng bắc: giáp đất Võ Trường Khởi, cạnh dài 143.86m; giáp đường xỏ chung cạnh dài 7.25m.

Phần đất nêu trên ông Nguyễn Đức L, bà Đặng Hồng Thắm đang quản lý, sử dụng, buộc ông Nguyễn Đức L, bà Đặng Thị Thắm có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thanh H phần đất nêu trên.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất được chia nêu trên.

1.2/. Chia cho ông Nguyễn Đức L phần đất diện tích **17.105,6m²** thuộc một phần thửa đất số 678, 689 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, kích thước như sau:

+ Hướng đông: giáp đất ông Đặng Văn Đường, cạnh dài 48.4m; giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Thanh H cạnh dài 17m.

+ Hướng tây: giáp đất nền nhà ông Nguyễn Đức L đang sử dụng, cạnh dài 67.48m; giáp đất bà Nguyễn K Kê, cạnh dài 16,1m.

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Văn Rô, cạnh dài 182,3m; giáp đất Tăng Hoàng Ân cạnh dài 89m.

+ Hướng bắc: giáp đất chia cho ông Nguyễn Thanh H cạnh dài 150.2m; giáp đường thoát nước chung cạnh dài 125.67m; giáp đất bà Nguyễn K Kê cạnh dài 4m.

Phần đất nêu trên ông Nguyễn Đức L đang quản lý sử dụng được tiếp tục sử dụng, ông Nguyễn Đức L được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất được chia nêu trên.

2/. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức L.

*Chia cho ông Nguyễn Thanh H phần đất diện tích **1.254,7m²** thuộc một phần thửa số 679 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, kích thước như sau :*

+ Hướng đông: giáp đất nền nhà ông Nguyễn Đức L đang sử dụng cạnh dài 67.73m ;

- + Hướng tây: giáp đất bà Nguyễn K Kê đang sử dụng, cạnh dài 67.9m;
- + Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Văn Rô, cạnh dài 18.5m;
- + Hướng bắc: giáp đất Nguyễn K Kê cạnh dài 18.5m.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Chia cho ông Nguyễn Đức L phần đất diện tích 1.928,3m² thuộc một phần thửa số 679 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, kích thước như sau:

- + Hướng đông: giáp đất ông Nguyễn Đức L đang sử dụng cạnh dài 67.48m;
- + Hướng tây: giáp đất nền nhà ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng, cạnh dài 67.73m;
- + Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Văn Rô, cạnh dài 28.5m;
- + Hướng bắc: giáp đất Nguyễn K Kê cạnh dài 28.5m.

Ông Nguyễn Đức L được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.196m².

4/. 02 cổng xổ nước, căn nhà của cụ Trần Thị N, cụ Nguyễn Đức K ông Nguyễn Đức L đang ở; ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Đức L thống nhất không yêu cầu nên không xem xét.

Diện tích đất 1.060,1m² thuộc một phần thửa 689 tờ bản đồ số 18 do cụ Trần Thị N đứng tên, các đương sự thống nhất xác định, trước đây cụ Trần Thị N, cụ Nguyễn Đức K đã chuyển đổi thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn K Kê, không thuộc di sản thừa kế nên không xem xét.

Ngày 30/5/2022, ông Nguyễn Đức L kháng cáo không đồng ý chia cho ông Nguyễn Thanh H 2.590,8m².

Ngày 06/6/2022 ông Nguyễn Thanh H kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất 8.196m² thuộc quyền sử dụng của ông, không phải di sản thừa kế; không đồng ý chia cho ông Nguyễn Đức L kỷ phần thờ cúng, yêu cầu chia di sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thanh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức L trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ông Trần Văn Long đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; các đương sự khác có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H:

[2.1] Đối với yêu cầu công nhận phần đất diện tích 8.196m², thuộc quyền sử dụng của ông không phải di sản thừa kế:

Ông Nguyễn Thanh H cho rằng năm 1998 ông đưa tiền, vàng nhờ cụ Trần Thị N nhận chuyển nhượng phần đất trên từ ông Trần Văn Nghĩa. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của ông H, bà Kê, bà Bảy thì ông Nguyễn Thanh H không còn chứng cứ nào khác chứng minh phần đất diện tích 8.196m², do ông H nhờ cụ Trần Thị N nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Nghĩa. Trong khi ông Trần Văn Nghĩa xác định ông chuyển nhượng phần đất trên cho cụ N, không phải chuyển nhượng cho ông H. Do đó, ông Nguyễn Thanh H kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất 8.196m², thửa 689 tờ bản đồ số 18 thuộc quyền sở hữu của ông là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với phần đất 8.196m², sau khi nhận chuyển nhượng, cụ N cho ông H canh tác sử dụng. Trong quá trình sử dụng, ông H chuyển đổi một phần đất, diện tích 1.623,5m² cho bà Trần Thị Bảy để nhận lại phần diện tích 1.100m² thuộc một phần thửa số 690 tờ bản đồ số 18 do bà Trần Thị Bảy đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện nay, bà Bảy, ông H, ông L thống nhất, không tranh chấp về hợp đồng chuyển đổi đất giữa ông H và bà Bảy.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần đất ông Nguyễn Thanh H, đang quản lý sử dụng sau khi chuyển đổi với bà Trần Thị Bảy, diện tích 7.672,5m² (1.100m² + 6.572,5m²) thuộc một phần thửa đất số 689, 690 tờ bản đồ số 18 là di sản thừa kế của cụ K, cụ N.

[2.2] Đối với kháng cáo không đồng ý chia kỷ phần thờ cúng cụ K, cụ N cho bị đơn Nguyễn Đức L: Xét thấy, ông Nguyễn Đức L là người trực tiếp chăm sóc cụ K và cụ N lúc về già, là người tổ chức đám tang, chi trả các khoản nợ của hai cụ và hiện nay cũng đang thờ cúng hai cụ nên ngoài suất thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm chia cho ông L 01 phần di sản dùng vào việc thờ cúng cụ K, cụ N tương đương 01 suất thừa kế là phù hợp.

[3] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Đức L về việc không đồng ý chia 2.590,8m² cho ông H: Xét thấy, cụ K, cụ N chết không để lại di chúc; ông H là con, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ K, cụ N. Do đó, ông H phải được chia phần di sản của hai cụ nên kháng cáo của ông L là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về di sản thừa kế: Như đã nhận định trên (mục [2.1]) thì phần đất 7.672,5m² do ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng thuộc di sản thừa kế. Do đó, di sản thừa kế của cụ K, cụ N là 30.551,9m². Trong đó, ông L đang quản lý, sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 19.696,4m² và phần đất nền nhà diện tích 1.928,3m²; ông H quản lý sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 7.672,5m² và phần đất nền nhà 1.254,7m².

[4.1]. Đối với di sản trên: Ông H, ông L thống nhất thỏa thuận, diện tích nền nhà ông H đang sử dụng 1.254,7m², ông L đang sử dụng 1.928,3m² hai ông được tiếp tục sử dụng; Bà Nguyễn K Kê không có ý kiến về sự thỏa thuận trên giữa ông H và ông L. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần ghi nhận.

[4.2] Như vậy, phần di sản của cụ K, cụ N còn lại được xem xét chia thừa kế là 27.368,9m² đất nuôi trồng thủy sản.

[5] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ K gồm: bà Nguyễn K Kê, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Đức L. Trong đó, bà Kê đã từ chối nhận di sản thừa kế.

[6] Do bà Nguyễn K Kê từ chối nhận di sản nên cấp sơ thẩm chia đều cho ông H và ông L. Đồng thời, ông L được hưởng 01 kỷ phần dùng vào việc thờ cúng cụ K, cụ N. Do đó, cấp sơ thẩm chia cho ông Nguyễn Thanh H phần di sản là diện tích đất 10.263,3m²; chia cho ông Nguyễn Đức L được hưởng phần di sản là diện tích đất 17.105,6m² là phù hợp. Do ông H đang quản lý, sử dụng diện tích 7.672,5m², ông L đang quản lý diện tích 19.696,4m² nên cần buộc ông L giao cho ông H 2.590,8m².

[7] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức L; Chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 BLDS năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H đối với ông Nguyễn Đức L về chia thừa kế quyền sử dụng đất.

1.1. Chia cho ông Nguyễn Thanh H phần đất tổng diện tích **10.263,3m² tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, các phần đất cụ thể như sau:**

*- Phần đất diện tích **6.572,5m²** thuộc một phần thửa số 689 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N có vị trí, kích thước như sau:*

+ Hướng đông: giáp đất Võ Trường Khởi cạnh dài 6.63m, giáp đất ông Nguyễn Thanh H đối với bà Trần Thị Bảy cạnh dài 40m;

+ Hướng tây: giáp đất Nguyễn Quốc Văn, cạnh dài 35.88m;

+ Hướng nam: giáp đường thoát nước chung cạnh dài 176.25m;

+ Hướng bắc: giáp đất Nguyễn Minh Mười cạnh dài 137.1m, giáp đất ông Nguyễn Thanh H chuyển đổi với bà Trần Thị Bảy cạnh dài 31.72m.

*- Phần đất diện tích **1.100m²** thuộc một phần thửa số 690 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho bà Trần Thị Bảy có vị trí, kích thước như sau:*

+ Hướng đông: giáp đất Võ Trường Khởi cạnh dài 40.92m;

+ Hướng tây: giáp đất ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng, cạnh dài 40m;

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng, cạnh dài 31.72m;

+ Hướng bắc: giáp đất Nguyễn Minh Mười cạnh dài 23.3m.

Các phần đất nêu trên ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất được chia nêu trên.

- Phần đất diện tích **2.590,8m²** thuộc một phần thửa số 678 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N có vị trí, kích thước như sau:

+ Hướng đông: giáp đất ông Lý Chí Tâm, cạnh dài 11.86m; giáp Đặng Văn Đường, cạnh dài 5.9m.

+ Hướng tây: giáp đất ông Nguyễn Đức L đang sử dụng, cạnh dài 17m; giáp đường thoát nước chung cạnh dài 3.43m.

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Đức L đang sử dụng, cạnh dài 150.2m;

+ Hướng bắc: giáp đất Võ Trường Khởi, cạnh dài 143.86m ; giáp đường xô chung cạnh dài 7.25m.

Phần đất nêu trên ông Nguyễn Đức L, bà Đặng Hồng Thắm đang quản lý, sử dụng, buộc ông Nguyễn Đức L, bà Đặng Thị Thắm có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thanh H phần đất nêu trên.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất được chia nêu trên.

1.2. Chia cho ông Nguyễn Đức L phần đất diện tích **17.105,6m²** thuộc một phần thửa đất số 678, 689 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, kích thước như sau:

+ Hướng đông: giáp đất ông Đặng Văn Đường, cạnh dài 48.4m; giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Thanh H cạnh dài 17m.

+ Hướng tây: giáp đất nền nhà ông Nguyễn Đức L đang sử dụng, cạnh dài 67.48m; giáp đất bà Nguyễn K Kê, cạnh dài 16,1m.

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Văn Rô, cạnh dài 182,3m; giáp đất Tăng Hoàng Ân cạnh dài 89m.

+ Hướng bắc: giáp đất chia cho ông Nguyễn Thanh H cạnh dài 150.2m; giáp đường thoát nước chung cạnh dài 125.67m; giáp đất bà Nguyễn K Kê cạnh dài 4m.

Phần đất nêu trên ông Nguyễn Đức L đang quản lý sử dụng được tiếp tục sử dụng, ông Nguyễn Đức L được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất được chia nêu trên.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức L.

2.1. Chia cho ông Nguyễn Thanh H phần đất diện tích **1.254,7m²** thuộc một phần thửa số 679 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, kích thước như sau:

+ Hướng đông: giáp đất nền nhà ông Nguyễn Đức L đang sử dụng cạnh dài 67.73m;

+ Hướng tây: giáp đất bà Nguyễn K Kê đang sử dụng, cạnh dài 67.9m;

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Văn Rô, cạnh dài 18.5m;

+ Hướng bắc: giáp đất Nguyễn K Kê cạnh dài 18.5m.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

2.2. Chia cho ông Nguyễn Đức L phần đất diện tích **1.928,3m²** thuộc một phần thửa số 679 tờ bản đồ số 18 được cấp quyền sử dụng cho cụ Trần Thị N tọa lạc tại ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, kích thước như sau:

+ Hướng đông: giáp đất ông Nguyễn Đức L đang sử dụng cạnh dài 67.48m;

+ Hướng tây: giáp đất nền nhà ông Nguyễn Thanh H đang sử dụng, cạnh dài 67.73m;

+ Hướng nam: giáp đất ông Nguyễn Văn Rô, cạnh dài 28.5m;

+ Hướng bắc: giáp đất Nguyễn K Kê cạnh dài 28.5m.

Ông Nguyễn Đức L được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.196m².

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Đức Lãnh mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002387 ngày 06/6/2022, ông Nguyễn Đức L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002359 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

Trần Quang Khang